



THỰC THI CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG Ở VIỆT NAM

Phạm Hồng Lượng
Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Lâm nghiệp
luong_phamhong71@yahoo.com

Lâm Đồng, tháng 9/2013

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

Tổng quan chung về chính sách

Kết quả/tác động ban đầu

Một số tồn tại, khó khăn

Đề xuất, kiến nghị

TỔNG QUAN CHUNG

Đối tượng tác
động của chính
sách

Chủ thể thực
thi chính sách

Mối quan hệ
giữa VNFF và
PFES

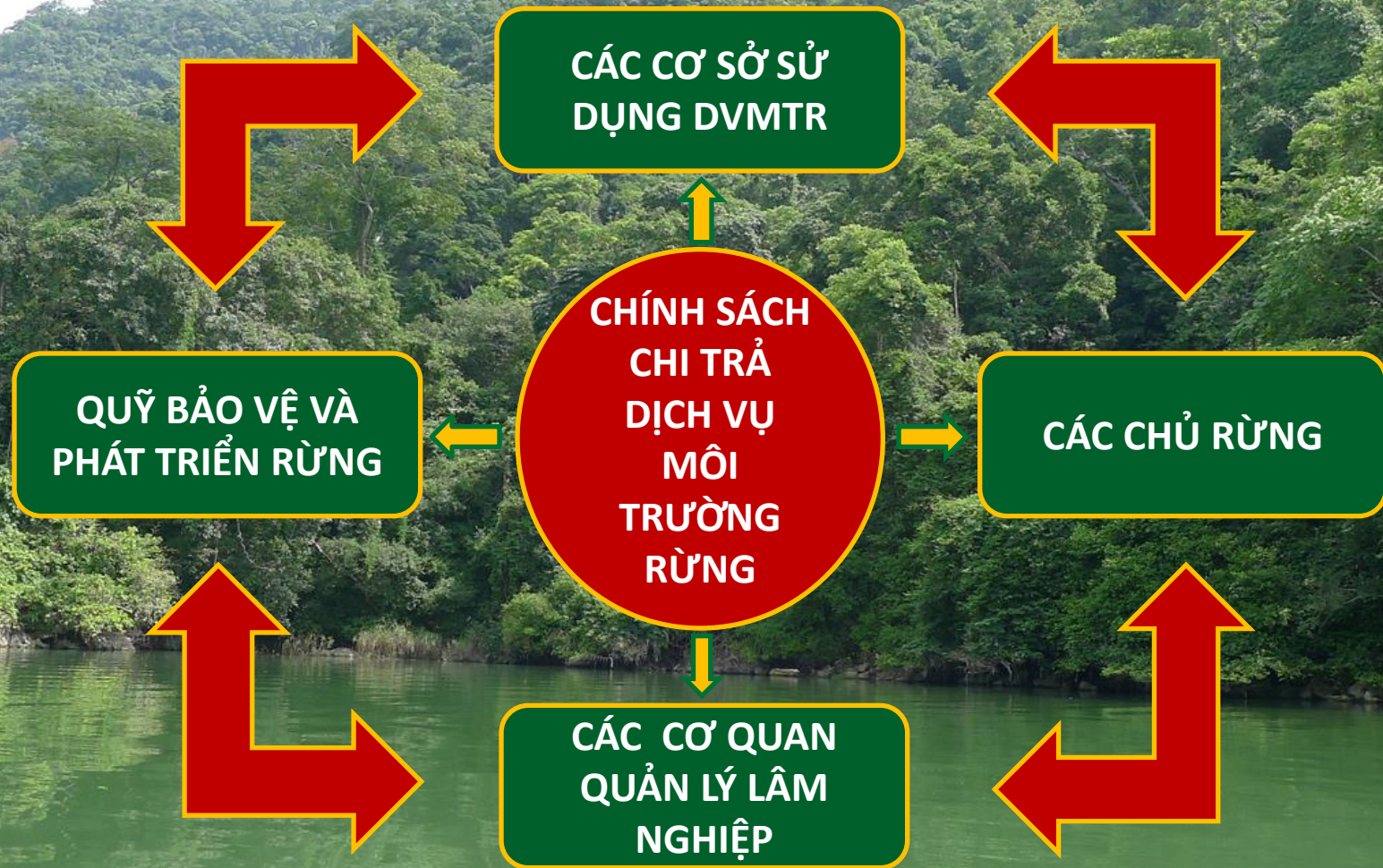
Chi trả và sử dụng
tiền chi trả dịch vụ
môi trường rừng

Mức chi trả đối
với các cơ sở sử
dụng DVMTR

Cơ chế quản lý
sử dụng tiền
DVMTR

Tính tiền chi trả
DVMTR cho chủ
rừng

CHỦ THỂ THỰC THI CHÍNH SÁCH



VNFF VỚI PFES

BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Các chủ rừng;
2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài.

CÁC LOẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng;
2. Điều tiết và duy trì nguồn nước;
3. Hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng;
4. Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học;
5. Dịch vụ cho nuôi trồng thủy sản.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Cơ sở sản xuất thủy điện;
2. Cơ sở sản xuất nước sạch;
3. Cơ sở sản xuất công nghiệp;
4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch;
5. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ hấp thụ các bon, nuôi trồng thủy sản.

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

MỨC CHI TRẢ FES

Cơ sở sản xuất thủy điện

20
đ/kwh

Cơ sở cung ứng nước sạch

40 đ/m³

Cơ sở sản xuất công nghiệp

?

Cơ sở kinh doanh du lịch

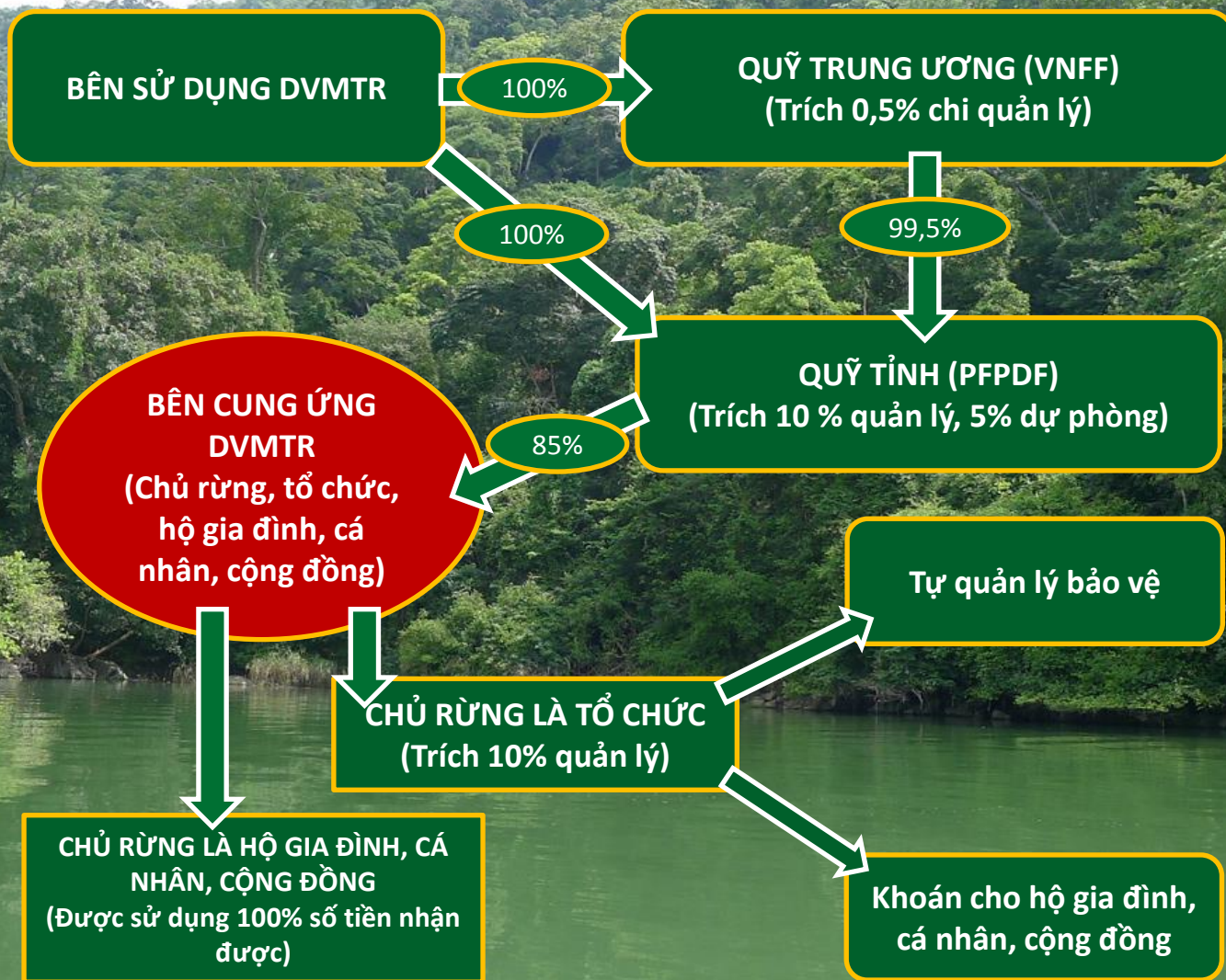
1-2%
doanh
thu

Cơ sở khác (hấp thụ các bon,
NNTS)

?



TÓM TẮT CƠ CHẾ PHÂN BỐ PFES



TÍNH TIỀN PFES CHO TỪNG CHỦ RỪNG

Tổng số tiền
DVMTR được
nhận

=

Đơn giá chi trả
DVMTR bình
quân 1 ha rừng
(đ/ha)

X

Diện tích rừng
được giao hoặc
khoán bảo vệ
(ha)

X

Hệ số điều
chỉnh mức chi
trả (K)

$K = K_1 * K_2 * K_3 * K_4$

K_1 - Trạng thái và trữ lượng rừng: 1.00 - rừng giàu;
0.95 - rừng TB; 0.90 - rừng nghèo và rừng phục hồi.

K_2 - Mục đích sử dụng rừng: 1,00 - RĐD; 0,95 - RPH
và 0,90 - RSX.

K_3 - Nguồn gốc hình thành rừng: 1,00 - rừng tự nhiên;
0,90 - rừng trồng.

K_4 - Mức độ khó khăn đối với việc BVR: 1,00 - rất khó
khăn; 0,95 - khó khăn; 0,90 - ít khó khăn.

CÁC KẾT QUẢ/TÁC ĐỘNG BAN ĐẦU

Thể
chế

Kinh
tế

Xã
hội

Môi
trường

Tác động về thể chế



- Một số địa phương thành lập chi nhánh Quỹ BV&PTR cấp huyện (Sơn La), cấp xã (Quảng Trị);
- Tương lai, Quỹ REDD+ là một bộ phận của Quỹ BV&PTR.

Tác động về kinh tế

247 Hợp
đồng

- Là số liệu hợp đồng uỷ thác DVMTR đã ký.
- Thuỷ điện: 161 hợp đồng; Nước sạch: 50 hợp đồng; Du lịch: 36 hợp đồng.

1.172 tỷ
đồng

- Là nguồn thu DVMTR toàn quốc năm 2012;
- Thuỷ điện: 1.154 tỷ đồng; Nước sạch: 16,9 tỷ đồng; Du lịch: 0,9 tỷ đồng.

Hơn 600 tỷ
đồng

- Là số thu DVMTR từ đầu năm 2013 đến nay;
- Trung ương: 520 tỷ đồng; Địa phương: 80 tỷ đồng.

Tác động về kinh tế (tiếp)

Tạo lập thị trường
DVMTR



Bổ sung
nguồn lực
cho
BV&PTR

Gia tăng giá trị
đóng góp của
ngành Lâm
nghiệp trong
nền kinh tế
quốc dân

Tác động về môi trường



Giảm số vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý BVR



Góp phần nâng cao diện tích, độ che phủ của rừng



Tác động về môi trường (tiếp)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
<i>Diện tích rừng (triệu ha)</i>	<i>12,84</i>	<i>12,90</i>	<i>13,03</i>	<i>13,14</i>	<i>13,46</i>
<i>Độ che phủ rừng (%)</i>	<i>38,70</i>	<i>39,10</i>	<i>39,50</i>	<i>39,70</i>	<i>39,90</i>



Tác động về xã hội

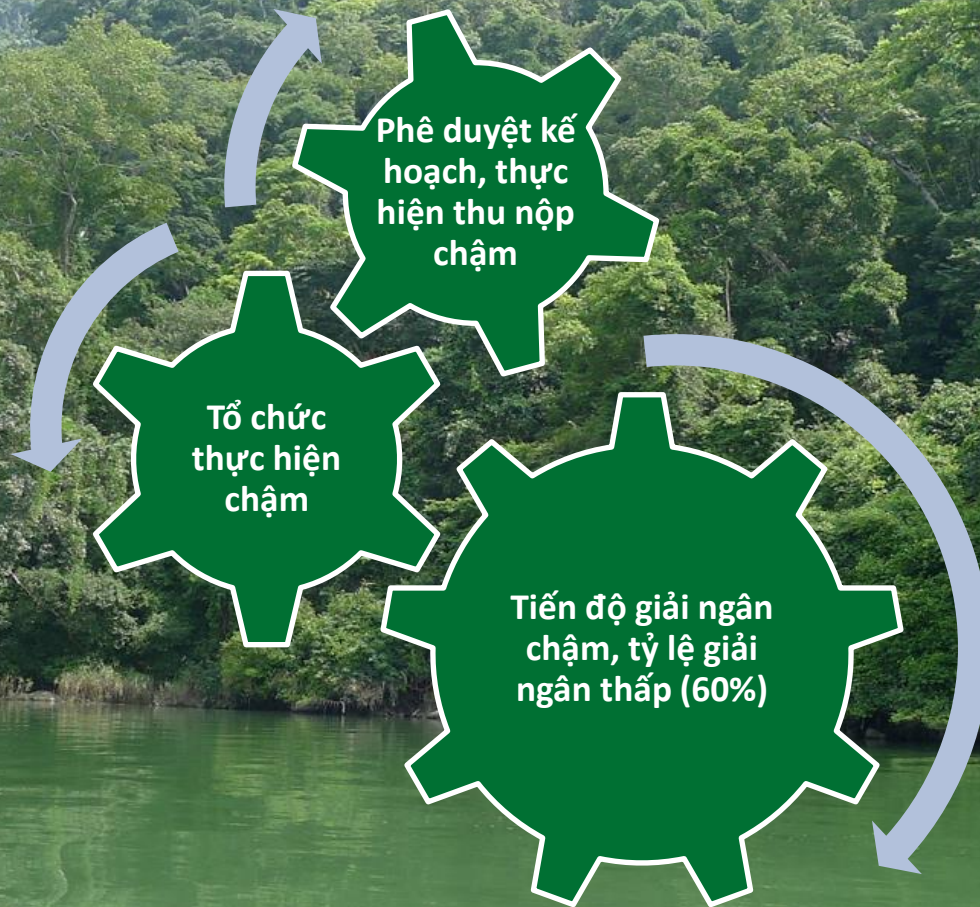
- Góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội;
- Tạo công ăn, việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng



Tác động về xã hội (tiếp)

STT	Diễn giải	Mức chi (đồng/ha/năm)	Ghi chú
1	Hỗ trợ của Nhà nước	200.000	
2	Chi trả DVMTR của Lâm Đồng	300.000 – 450.000	<i>Tùy thuộc từng lưu vực</i>
3	Chi trả DVMTR của Lai Châu	319.000	

TỒN TẠI, KHÓ KHĂN



TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

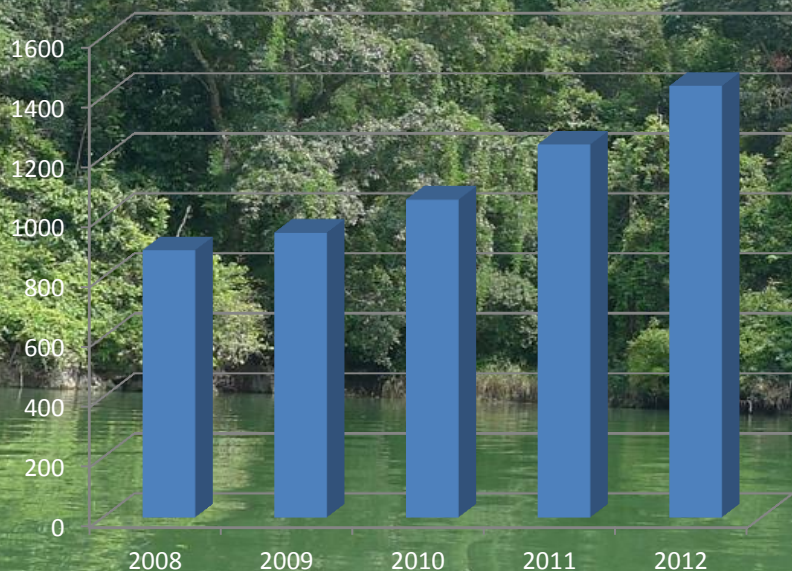
- Chỉ đạo tổ chức thực hiện còn chưa kịp thời;
- Các quy định, hướng dẫn còn chậm ban hành;
- Tuyên truyền, nâng cao trình độ còn hạn chế;
- Quản lý rừng đến từng chủ rừng còn chưa chặt chẽ;
- Đơn giá, cơ chế sử dụng tiền chi trả còn bất hợp lý;
- Thu từ nhà máy thủy điện rất khó khăn;
- Mức thu nộp còn thấp so với mức biến động giá.

TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

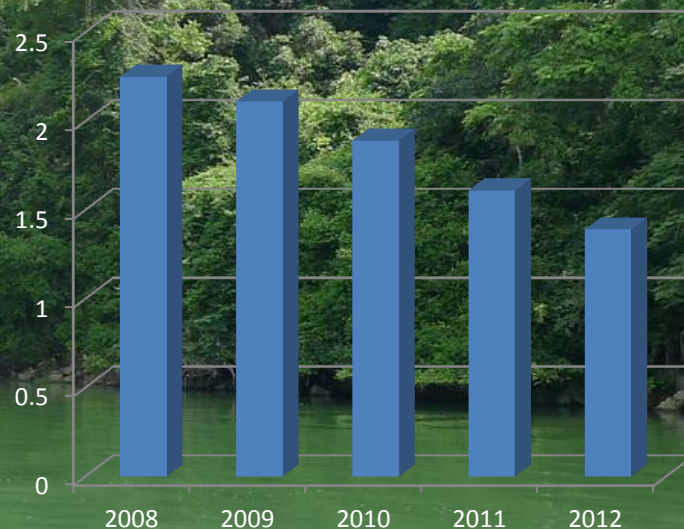
STT	Chỉ tiêu so sánh	2008	2009	2010	2011	2012
1	Giá bán điện bình quân (đ/kwh)	890	948,5	1.058	1.242	1.437
2	Mức chi trả DVMTR của thủy điện so với giá bán điện bình quân (%)	2,25	2,11	1,89	1,61	1,39

TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

Giá bán điện bình quân
(đ/kwh)



Mức chi trả DVMTR của
thủy điện so với giá bán
điện bình quân (%)



ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Bố trí đầy đủ nguồn lực, điều kiện thực thi chính sách;
- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn;
- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao trình độ cho mọi đối tượng;
- Tăng cường hợp tác, liên kết với các bên liên quan;
- Khẩn trương hoàn thành công tác rà soát, xác định chủ rừng.





XIN CẢM ƠN!

“Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đồng hành với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”

- Vì Tương lai Xanh Việt Nam -